



yì yuàn
议院

noun · parliament; legislative chamber

Example Sentences

Yì yuàn zhèng zài tāo lùn xīn de jiào yù fǎ àn
议院正在讨论新的教育法案。

The parliament is discussing a new education bill.

Zhè ge guó jiā de yì yuàn yóu shàng xià liǎng yuàn zǔ chéng
这个国家的议院由上下两院组成。

This country's parliament consists of an upper and a lower house.

Trace each character, then write the word on your own.

议	议	议	议	议	议	议	议				
院	院	院	院	院	院	院	院	院	院	院	院
院											